

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày: 13 – 6 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đào Đắc Cẩm Tú.
- Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Tài chính J.**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Hứa Minh T.**, là Nhân viên J, (đại diện uỷ quyền, theo Giấy uỷ quyền số 38/2023/UQ-LM-J ngày 08-01-2024); (có mặt).

Cùng địa chỉ: Đường K, Phường S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Lê Minh N.**

Địa chỉ: Ấp A, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2023 của nguyên đơn là Công ty Tài chính J và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa

sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Hứa Minh T đều trình bày:

Ngày 24-8-2023 ông Lê Minh N ký hợp đồng tín dụng số 49060004484165000 với nguyên đơn. Theo hợp đồng, nguyên đơn cho ông N vay tiền mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng. Số tiền vay 40.950.000 đồng, lãi suất: 3.7375%/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay: 20 tháng; mỗi tháng ông N phải thanh toán số tiền 2.955.551 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng, ngày thanh toán đầu tiên từ 22-9-2023; số tiền thanh toán kỳ cuối là 2.475.762 đồng. Ông N đã nhận đầy đủ tiền.

Ngày 03-10-2023 ông N thanh toán cho nguyên đơn 2.966.943 đồng (trong đó, nợ gốc 1.685.601 đồng; lãi 1.257.950 đồng; lãi quá hạn 11.392 đồng; phí quản lý khoản vay: 12.000 đồng). Sau đó thì ông N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình lẩn tránh, số nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 03-10-2023, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông N thanh toán số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Minh N phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13-6-2024) là 54.168.122 đồng (Năm mươi bốn triệu một trăm sáu mươi tám nghìn một trăm hai mươi hai đồng), gồm: Nợ gốc 39.264.399 đồng, lãi trong hạn 12.808.186 đồng, lãi quá hạn 2.095.537 đồng và tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn và các loại phí thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi hết nợ.

2. Đối với bị đơn ông Lê Minh N: Ông Lê Minh N đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng ông N đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án cũng không lấy lời khai của ông N được.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về nội dung thì cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ông N trả lại tiền vay; Theo Thông báo ngày 11-6-2024 của Công an xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng về số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì ông Lê Minh N có nơi thường trú và nơi ở hiện tại là ấp A, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn ông Lê Minh N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ vay:

Nguyên đơn yêu cầu ông Lê Minh N thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13-6-2024) là 54.168.122 đồng (Năm mươi bốn triệu một trăm sáu mươi tám nghìn một trăm hai mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc 39.264.399 đồng, lãi trong hạn 12.808.186 đồng (tính từ ngày 03-10-2023 đến ngày 13-6-2024), lãi quá hạn 2.095.537 đồng (tính từ ngày 04-10-2023 đến ngày 13-6-2024) và tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn và các loại phí thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi hết nợ, vấn đề này được Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Ông N không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 24-8-2023 ông Lê Minh N ký hợp đồng tín dụng số 49060004484165000, việc giao kết hợp đồng do các bên tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu vay vốn để mua xe máy của ông N và nhu cầu cấp tín dụng cho vay của nguyên đơn nên cần buộc các bên phải thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã giao kết.

Nguyên đơn đã giải ngân cho ông N vay số tiền 40.950.000 đồng. Theo hợp đồng tín dụng, nguyên đơn và ông N thỏa thuận lãi suất vay lãi suất: 3.7375%/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay: 20 tháng, mỗi tháng ông N phải thanh toán số tiền 2.955.551 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng, ngày thanh toán đầu tiên là 22-9-2023, số tiền thanh toán kỳ cuối là 2.475.762 đồng. Ông N đã nhận đầy đủ tiền.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 03-10-2023 ông N thanh toán cho nguyên đơn 2.966.943 đồng, trong đó gồm có nợ gốc là 1.685.601 đồng, lãi

trong hạn là 1.257.950 đồng, lãi quá hạn là 11.392 đồng, phí quản lý khoản vay là 12.000 đồng. Sau đó, ông N không thanh toán tiền vay như đã thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, vi phạm thỏa thuận thanh toán khoản vay quy định tại Điều 3 và Điều 8 của Hợp đồng tín dụng và Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), phù hợp với quy định tại Điều 9 của Thông tư số: 43/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho vay tiêu dùng của Công ty tài chính (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số: 18/2019/TT-NHNN ngày 04-11-2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Đồng thời, nguyên đơn đã xác định đúng thời điểm vi phạm nghĩa vụ, đã tính đúng số tiền vốn và lãi mà ông N chưa thanh toán phát sinh từ Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, có đủ cơ sở buộc ông N phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 54.168.122 đồng (Năm mươi bốn triệu một trăm sáu mươi tám nghìn một trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày 14-6-2024, ông N còn phải chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.2] Như vậy, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.1] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[3.2] Ông N có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, nên ông N phải chịu án phí sơ thẩm như sau: $54.168.122 \text{ đồng} \times 5\% = 2.708.406 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 9 của

Thông tư số: 43/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho vay tiêu dùng của Công ty tài chính (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số: 18/2019/TT-NHNN ngày 04-11-2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính J.

Buộc bị đơn ông Lê Minh N trả nợ cho Công ty Tài chính J, số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13 tháng 6 năm 2024) tổng cộng là 54.168.122 đồng (Năm mươi bốn triệu một trăm sáu mươi tám nghìn một trăm hai mươi hai đồng), trong đó gồm:

- Nợ gốc: 39.264.399 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).

- Lãi trong hạn 12.808.186 đồng (Mười hai triệu tám trăm lẻ tám nghìn một trăm tám mươi sáu đồng).

- Lãi quá hạn 2.095.537 đồng (Hai triệu không trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 14 tháng 6 năm 2024), ông Lê Minh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và khoản lãi khác theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 49060004484165000 ngày 24 tháng 8 năm 2023, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty Tài chính J, thì lãi suất mà ông Lê Minh N phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty Tài chính J.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Lê Minh N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.708.406 đồng (Hai triệu bảy trăm lẻ tám nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng).

3.2. Trả lại cho Công ty Tài chính J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.090.000 đồng (Một triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000222 ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Tòa án giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh